

5. Quan hệ Quốc tế

- Trao đổi, học hỏi toàn diện tại các nước có ngành chăn nuôi bò sữa phát triển như Mỹ, Canada, Úc, Israel, Nhật Bản;

- Tham gia vào các tổ chức quốc tế về chăn nuôi bò sữa ví dụ tham gia vào tổ chức IFCN (mạng lưới trang trại bò sữa quốc tế);

- Hợp tác với các nước chăn nuôi bò sữa phát triển để chuyển giao toàn bộ hoặc một

phần công nghệ chăn nuôi bò sữa như hiện nay các doanh nghiệp lớn đang thực hiện.

Đầu thầu thuê, tuyển chuyên gia quản lý, điều hành toàn bộ hoặc một phần trong các trang trại chăn nuôi bò sữa.

Vậy, nếu làm tốt các vấn đề đặt ra ở trên, ngành bò sữa, chế biến sữa của nước ta có thể cạnh tranh và đứng vững khi Hiệp định thương mại TPP được ký kết.

VAI TRÒ CỦA KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ TÁI CƠ CẤU NGÀNH CHĂN NUÔI GẮN VỚI TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG TẠI ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

124121

PGS.TS. Đỗ Võ Anh Khoa
Trường Đại học Cần Thơ

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chăn nuôi đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu nông nghiệp. Sản phẩm chăn nuôi (thịt, trứng, sữa,...) dường như là nguồn thực phẩm tối cần thiết trong đời sống hàng ngày. Tuy nhiên, trong những năm qua so với trồng trọt được đầu tư khá nhiều, bài bản và dài hơi thì chăn nuôi dường như chưa được quan tâm và đầu tư đúng mức (chính sách, cơ chế, kinh phí,... trong hoạt động NCKH, sản xuất và dịch vụ). Phần là do các Bộ-Ngành từ trung ương đến địa phương chú trọng vào lương thực hơn là thực phẩm trong bối cảnh chung của xã hội, cái “no” đi trước-cái “ngon” theo sau.

Chăn nuôi có được tầm vóc như hiện nay phần lớn là do nỗ lực của chính mình khi khoa học công nghệ được du nhập vào

nước ta trong những năm đầu thập niên 1990s. Dù vậy, vai trò chăn nuôi vẫn chưa được thể hiện rõ nét trong các Chương trình Tam nông hay Xây dựng nông thôn mới. Tự loay hoay nhiều năm, đến giờ mới vỡ lẽ rằng tiền đề của chăn nuôi là Giống và Công tác giống còn khá nhiều bất cập. Các vấn đề chăn nuôi khác kèm theo (thức ăn, thuốc,...) thì hầu như bị phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nước ngoài. Đầu đó, chăn nuôi vẫn bị làm giá/kiểm soát giá bởi các công ty lớn.

Ở các nước phát triển, mặc dù nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào, khoa học kỹ thuật tiến bộ, điều kiện khí hậu, môi trường thuận lợi... nhưng sản xuất chăn nuôi chỉ dừng lại ở hạn ngạch nhất định của nó, hạn chế được rủi ro khi thị trường xuất khẩu bị cạnh tranh, co hẹp hoặc đóng chặt. Điều này giúp ngành chăn nuôi phát triển bền vững

do không phụ thuộc quá nhiều vào thị trường xuất khẩu, tuy nhiên chăn nuôi vẫn chiếm một tỉ trọng GDP nhất định. Song, việc đẩy mạnh phát triển công nghệ giống-thức ăn-quản lý-sản xuất-chế biến sản phẩm chăn nuôi... càng được chú trọng vì nó dễ kiểm soát và cất lỗ hơn so với sản phẩm chăn nuôi. Có thể thấy, khoa học công nghệ ngày càng đóng vai trò thiết yếu trong công nghệ chăn nuôi hiện nay.

2. ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA HỆ THỐNG SẢN XUẤT CHĂN NUÔI Ở ĐBSCL

Mặc dù gần đây có sự chuyển biến rõ nét về qui mô đàn trong cơ cấu chăn nuôi nhờ vào các chủ trương mới trong chương trình Tái cơ cấu nông nghiệp của địa phương và sự đầu tư của các trang trại, công ty (theo hệ thống gia công), nhưng tầm vóc và hiệu quả chăn nuôi ở ĐBSCL vẫn còn thua xa các tỉnh miền Đông Nam Bộ. Nguyên nhân chủ yếu là do: tập quán sản xuất, chi phí đầu tư xây dựng (đặc điểm và cấu trúc đất), thị trường tiêu thụ (thu nhập thấp, qui mô nhỏ lẻ, thực phẩm tự nhiên), giá thành sản phẩm (vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm sau giết mổ, đông lạnh chất lượng,...), biên độ dao động của giá cả thị trường, kiểm soát dịch bệnh (qui mô nhỏ lẻ, xuất khẩu), vốn đầu tư, kỹ thuật, chất lượng con giống...

Giống vật nuôi

Trong thời gian qua, để đáp ứng nhu cầu sản xuất chăn nuôi, Nhà nước đã đầu tư khá nhiều cho việc nâng cấp, đẩy mạnh hệ thống sản xuất giống cho các Trung tâm Giống Nông nghiệp các tỉnh, tuy nhiên hiệu quả chưa đạt được như mong đợi. Song song đó, để đáp ứng nhu cầu về giống và thị trường tiêu thụ, các công ty/cơ

sở chăn nuôi đã xây dựng bộ giống cho riêng mình, trên cơ sở du nhập, lai tạo,... dựa trên kiến thức và kinh nghiệm, không kiểm soát được chất lượng con giống. Đường như chưa có Bộ giống chuẩn nào của các loài vật nuôi ở ĐBSCL, đặc biệt là các giống bản địa.

Thức ăn chăn nuôi

ĐBSCL vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm của cả nước. Tuy nhiên, diện tích trồng cây thức ăn và nguồn phụ phẩm nông nghiệp chưa được qui hoạch tốt, còn manh mún, nhỏ lẻ ở nông hộ. So với cây lương thực, cây thức ăn dành cho chăn nuôi chiếm tỉ trọng nhiều hơn. Với điều kiện khí hậu, đất đai phù hợp với nhiều loại cây trồng, vùng ĐBSCL có thể mạnh phát triển nông nghiệp lâu đời, chủ yếu là phát triển cây lúa, cây ăn trái và hoa màu, nhưng chưa chú trọng phát triển vùng sản xuất thức ăn chăn nuôi. Thực tế, trong nhiều năm qua, ngành chăn nuôi phải đối mặt với giá thức ăn tăng liên tục do phải nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài. Thức ăn thường chiếm 60-70% tổng chi phí chăn nuôi. Gần đây, các Bộ ngành cũng đã bắt đầu quan tâm đến việc qui hoạch nguồn nguyên liệu thức ăn chăn nuôi trong cả nước.

Kỹ thuật chăn nuôi

Đứng trên địa bàn ĐBSCL là hệ thống cơ quan nhà nước, viện trường, công ty... Chức năng và nhiệm vụ giữa các đơn vị có khi chồng chéo. Việc chuyển giao tiến bộ kỹ thuật tùy thuộc vào kiến thức và kinh nghiệm của từng đơn vị/cá nhân, vì vậy khi triển khai và thực hiện qui trình kỹ thuật thiếu tính đồng bộ, thống nhất và sâu rộng

trong toàn vùng, dẫn đến việc khó kiểm soát chất lượng sản phẩm, dịch bệnh,... Song song đó, việc nâng cấp các cơ sở đào tạo, mở rộng các loại hình đào tạo, tăng lượng sinh viên tuyển sinh hàng năm,... trong thời gian gần đây đã dẫn đến tình trạng “thừa Thầy, thiếu Thợ” trong ngành chăn nuôi.

Hệ thống sản xuất chăn nuôi

Mặc dù nền chăn nuôi có sự chuyển biến tích cực về qui mô trong 10 năm qua, nhiều cơ sở chăn nuôi tập trung hiện đại ra đời, song vẫn còn tồn tại hệ thống sản xuất chăn nuôi nhỏ lẻ vốn đã ăn sâu vào đời sống của người dân Nam Bộ nói riêng và Việt Nam nói chung. Đàn vật nuôi tập trung ở qui mô nhỏ lẻ chiếm khoảng 60-70% tổng đàn trong cả nước. Hệ thống sản xuất này thường sử dụng các nguồn giống và thức ăn kém chất lượng (thức ăn sẵn có, thức ăn thừa, phụ phẩm,... có thể kết hợp thêm với thức ăn công nghiệp). Công tác phòng chống dịch bệnh khó thực hiện đầy đủ và khó kiểm soát chặt chẽ. Vì thế sản phẩm chăn nuôi khó đánh giá và qui đồng về mặt chất lượng.

Dịch vụ: việc chăn nuôi nhỏ lẻ kết hợp với các qui trình kỹ thuật chưa đồng bộ, thức ăn cho chăn nuôi tập trung còn phụ thuộc quá nhiều vào nguồn nguyên liệu ngoại nhập, tình hình dịch bệnh thường xuyên xảy ra và khó kiểm soát,... đã làm hạn chế nguồn nguyên liệu ổn định (sản lượng), đặt yêu cầu (chất lượng) cho nhà chế biến - kinh doanh - dịch vụ chăn nuôi. Một khi giá sản phẩm chăn nuôi tăng cao (đầu vào tăng) hoặc dịch bệnh xảy ra nghiêm trọng và rộng khắp,... sẽ làm hạn chế thị trường tiêu thụ.

3. TÁI CƠ CẤU NGÀNH CHĂN NUÔI TRONG XU THẾ HỘI NHẬP TPP

Để chăn nuôi phát triển nhanh và bền vững cần thay thế dần qui mô nhỏ lẻ thành qui mô vừa và lớn trong mối liên kết chuỗi giá trị sản xuất - chế biến - kinh doanh sản phẩm chăn nuôi. Điều này cần được thực hiện qui mô cấp vùng chứ không chỉ riêng một địa phương nào cả.

Do bởi chi phí đầu tư, nguồn vốn lưu động (duy trì sản xuất trong nhiều năm liên tục, tái đàn,...) và giá trị tài sản chăn nuôi là khá lớn, nên chăn nuôi có khuynh hướng dành cho người giàu hơn là người nghèo. Đầu tư hỗ trợ chăn nuôi (chính sách, vốn,...) vì thế cũng cần chú ý vào các trang trại/doanh nghiệp... vì họ có ý tưởng, kinh nghiệm và tư duy phát triển tốt. Như thế mức độ an toàn, bảo tồn nguồn vốn sẽ chắc chắn hơn là đầu tư dàn trải cho người nghèo với ít kiến thức và tư duy.

Trong xu thế hội nhập TPP, giá cả thị trường nguyên liệu và sản phẩm chăn nuôi có thể sẽ dao động trong biên độ hẹp và ổn định hơn, giúp người chăn nuôi tiên đoán giá thành để có kế hoạch tổ chức sản xuất hợp lý (tăng-giảm đàn, hướng sản xuất,...). Bước vào cuộc chơi TPP nghĩa là biên giới của thị trường sản phẩm và thị trường lao động sẽ rộng hơn. Cơ hội và thách thức sẽ đi kèm. Sự sáp nhập của các công ty trong nước để làm đối trọng với các công ty ngoài nước, hoặc sự thôn tính các doanh nghiệp nhỏ... là điều có thể xảy ra trong tương lai gần.

4. VAI TRÒ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG CHĂN NUÔI BỀN VỮNG

Ngày nay chăn nuôi cũng không thể tách rời khỏi đời sống cơ bản và ngày càng cao của con người. Sản phẩm chăn nuôi

thông thường (thịt, trứng, sữa,...), cả lượng và chất, ngày càng được chú trọng cho người già và trẻ con, kể cả đối với những gia đình có thu nhập thấp.

Khoa học công nghệ là động lực để phát triển kinh tế xã hội. Gần đây, một số tỉnh tập trung nghiên cứu các lĩnh vực trồng trọt, thủy sản, kinh tế, văn hoá xã hội... hơn là chăn nuôi, một phần là do chi phí nghiên cứu chăn nuôi khá lớn và thường mất nhiều thời gian, phần là do các yếu tố khách quan khác (cán bộ đầu ngành, mối quan hệ, số lượng để xuất, tổng ngân sách hàng năm...).

Để khoa học công nghệ đi vào sản xuất chăn nuôi có hiệu quả hơn, có mấy kiến nghị sau:

Một là: đầu tư nghiên cứu chăn nuôi phải dựa trên qui hoạch tổng thể, xác định cây thức ăn và con giống chủ lực của vùng, bám sát đề án tái cơ cấu nông nghiệp của địa phương và vùng Tây Nam Bộ;

Hai là: tập trung đẩy mạnh công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật giữa các địa phương để đưa nhanh kết quả nghiên cứu vào sản xuất, tránh trùng lặp, giảm thiểu chi phí đầu tư;

Ba là: nghiên cứu tạo ra các sản phẩm chăn nuôi (giống, thịt, trứng, sữa...) có những ưu điểm riêng để không cạnh tranh với các sản phẩm nhập nội, đồng thời có thể xuất khẩu tốt (VD: giống lai có sức kháng và chất lượng thơm ngon, chăn nuôi hữu cơ/ an toàn sinh học...);

Bốn là: thực hiện các Chương trình nghiên cứu lớn cấp vùng dựa trên sự kết hợp kinh phí và phối hợp thực hiện của các Bộ-Ngành trung ương và các địa phương;

Năm là: giải quyết dứt điểm từng bước một (Step by Step) và từng vấn đề một (One by One), tránh đầu tư nghiên cứu rồi rạc, không có chiều sâu, hay đầu tư nửa vơi; khâu đầu tiên của chăn nuôi là giải quyết vấn đề con Giống, kế đến là Thức ăn và các vấn đề khác;

Sáu là: chuyển giao công nghệ và tiến bộ kỹ thuật đến tay người chăn nuôi phải mang tính lặp lại (retraining), qui trình đồng bộ, đảm bảo chương trình/dự án khi kết thúc thì người chăn nuôi vẫn tiếp tục thực hiện và sống được với ngành;

Bảy là: xây dựng Trung tâm chuyển giao tiến bộ kỹ thuật; thiết lập kênh liên kết chuỗi giá trị, giới thiệu và quảng bá sản phẩm chăn nuôi DBSCL;

Tám là: phát triển chăn nuôi không chỉ tập trung vào các loài vật cung cấp thực phẩm mà có thể phát triển các loài khác để giảm mức độ cạnh tranh, nâng cao giá trị sản phẩm chăn nuôi, hoặc để phát triển các công nghệ khác (thuốc và biệt dược điều trị cho người, sản phẩm khác ngoài thịt-trứng-sữa...);

Chín là: thay vì thi đua mở các Trung tâm nghiên cứu-chuyển giao khoa học trực thuộc các Sở Ban Ngành ở các địa phương thì nên xây dựng Trung tâm nghiên cứu-chuyển giao khoa học cấp vùng hoặc dựa vào thế mạnh của các Trường đang đứng chân trên địa bàn để đặt hàng sản phẩm (nguồn lực chất lượng cao, cơ sở vật chất-trang thiết bị sẵn có, mối quan hệ tốt trong và ngoài nước,...) trong đó có cam kết hiệu quả và giá trị thương mại hóa sản phẩm khoa học, tránh tình trạng lãng phí nguồn lao động và tài chính (đầu tư cơ sở hạ tầng, đào tạo, nghiên cứu,...);

Mười là: sự phối hợp của các Sở Ban Ngành của địa phương và các địa phương

chưa được nhịp nhàng và chặt chẽ. Vì vậy, vai trò của Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ cần phải thể hiện một cách mạnh mẽ và rõ nét hơn để nâng cao tầm vóc, sức mạnh của khoa học công nghệ trong đổi mới sản xuất, đưa hệ thống chăn nuôi nói riêng và hệ thống nông nghiệp nói chung lên một tầm cao mới;

Mười một là: các cơ quan Nhà nước nên tập trung nâng cao tầm quản lý hơn là thực hiện nhiệm vụ khoa học - công nghệ. Kinh phí sự nghiệp nên phân bổ và hỗ trợ cho các doanh nghiệp để phát triển sản xuất và

mở rộng ngành hàng chăn nuôi theo định hướng. Có như vậy ngành chăn nuôi mới phát triển được nhanh và mạnh trong tương lai không xa.

Những vấn đề nêu ra trong bài viết này chỉ là chính kiến của cá nhân, có phần chủ quan và có phần khách quan, "Hãy thử nhìn thẳng, nhìn thật và nhìn sâu một lần về bài toán khoa học công nghệ" để có chiến lược và giải pháp phát triển bền vững không chỉ riêng chăn nuôi và cả các ngành, nghề khác ở vùng ĐBSCL trong thời gian tới.

KẾT QUẢ KIỂM TRA VỀ QUẢN LÝ, NUÔI DƯỠNG ĐÀN TRÂU, BÒ ĐỰC VÀ BÒ CÁI GIỐNG, SẢN XUẤT TINH ĐÔNG LẠNH TẠI TRẠM NGHIÊN CỨU VÀ SẢN XUẤT TINH ĐÔNG LẠNH MONCADA THUỘC TRUNG TÂM GIA SÚC LỚN TRUNG ƯƠNG

68 3913

Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Đăng Vang
Hội Chăn nuôi Việt Nam

Căn cứ kết quả theo dõi, kiểm tra, giám sát việc quản lý, nuôi dưỡng đàn trâu, bò đực giống và đàn bò cái giống; sản xuất, bảo quản và tiêu thụ tinh trâu, bò đông lạnh tại Trạm Nghiên cứu và Sản xuất tinh đông lạnh Moncada thuộc Trung tâm Giống Gia súc lớn Trung ương năm 2015, Hội Chăn nuôi Việt Nam kết luận như sau:

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, NUÔI DƯỠNG TRÂU, BÒ ĐỰC GIỐNG VÀ SẢN XUẤT TINH TRÂU, BÒ ĐÔNG LẠNH

1.1. Hồ sơ quản lý theo dõi từng trâu, bò đực giống

Hồ sơ theo dõi giống của từng cá thể trâu, bò đực giống đầy đủ, chính xác, có số tai, sổ sách theo dõi và ảnh của từng con, đảm bảo thực hiện đúng theo quy định về

quản lý giống tại Pháp lệnh Giống vật nuôi, Quyết định 66/2005/QĐ-BNN và Quyết định số 13/2007/QĐ-BNN ngày 09/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Danh sách đàn trâu, bò đực giống năm 2015 có 94 con, trong đó: 15 bò đực giống chuyên sữa cao sản Holstein Friesian (HF); 05 bò đực giống chuyên thịt chất lượng cao, đó là 01 bò đực giống Droughtmaster và 04 bò đực giống Red Angus; 62 bò đực giống Brahman; và 12 trâu đực giống, trong đó: 07 trâu nội và 05 trâu Murrah.

Đàn trâu, bò đực giống đảm bảo chất lượng tốt: đực giống nội và nhập ngoại về Việt Nam đều có nguồn gen tốt, lý lịch rõ ràng, chính xác và có độ tin cậy cao, có